TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁT TIÊN
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 02/2017/ DS -ST
Ngày 08 /06/2017
V/v: "Tranh chấp hợp đồng DS vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁT TIÊN, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Cao Chức

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Diện .
2. Bà Nguyễn Thị Thu Hương.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền – Thư ký Tòa án.

- ***Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Cát Tiên*** tham gia phiên tòa: Ông Ngô Trí Văn - Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 6 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cát Tiên, Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2016/TLST - DS ngày 24 tháng 4 năm 2017 "V/v tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2017/QĐST - DS ngày 22 tháng 5 năm 2017 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: **Bà Bùi Thị T** - Sinh năm 1971
Địa chỉ: Thôn A – Xã B – Cát Tiên – Lâm Đồng.

***2. Bị đơn*: Ông Trần Văn Đ** - Sinh năm 1959
Và bà Nguyễn Thị T – Sinh năm 1964
Đều cùng địa chỉ: Thôn T – Xã B – Cát Tiên – Lâm Đồng.

Nguyên đơn và bị đơn đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 4 năm 2017 và các bản tự khai tại tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Vào năm 2010 âm lịch (AL) bà cho vợ chồng ông Đ và bà T vay 04 lần tiền tổng số tiền là 40.000.000 đ *(Bốn mươi triệu đồng)*, với lãi suất cho vay là 60.000 đ/ 01 triệu/01 tháng. Đến ngày 02 tháng 12 năm 2012 (AL) hai bên thống nhất chốt tổng số tiền nợ cả gốc và lãi là 100.200.000 đồng, do ông Đ, bà T đã trả nợ được số tiền là 48.500.000 đ *(Bốn mươi tám triệu năm trăm ngàn đồng)* cho nên số tiền còn lại bà T yêu cầu ông Đ ký nhận vào giấy nhận nợ mới số tiền là 51.700.000 đ *(Năm mươi mốt triệu bảy trăm ngàn đồng)*.

Do đòi nhiều lần mà ông Đ và bà T không trả cho nên bà làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông Đ, bà T phải có nghĩa trả số nợ như trong giấy nhận nợ ngày 02 tháng 12 năm 2012.

Tại các bản khai và biên bản lấy lời khai ngày 09 tháng 5 năm 2017 ông Đ và bà T trình bày: Số tiền 51.700.000 đ *(Năm mươi mốt triệu bảy trăm ngàn đồng)* mà ông Đ nhận nợ ngày 02 tháng 12 năm 2012 đó là số tiền lãi phát sinh của số tiền vay gốc 30.000.000 đ mà năm 2010 vợ chồng ông Đ đã mượn bà T chứ không phải số tiền 40.000.000 đ như trong đơn khởi kiện của bà T. Ông bà cho rằng vì kinh tế khó khăn cần tiền nên vợ chồng bà phải chấp nhận vay tiền của bà T với lãi suất cao là 60.000 đ/ 01 triệu/01 tháng, vợ chồng ông đã trả nợ cho bà T xong từ tháng 5 năm 2012 (AL) với số tiền 48.500.000 đ *(Bốn mươi tám triệu năm trăm ngàn đồng), g*iấy nhận nợ ngày 02 tháng 12 năm 2012 là do bà T ép buộc, đe dọa nên ông Đ phải ký. Ông Đ, bà T đề nghị Tòa án xem xét lại phần lãi suất cho vay của bà T để xác định rõ quyền lợi và nghĩa vụ của các bên trong vụ án này.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp để kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải vào các ngày 15 tháng 5 năm 2017; ngày 22 tháng 5 năm 2017nhưng không thành.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Cát Tiên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng. Cụ thể Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án,tại phiên tòa Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa dân sự sơ thẩm. Về quan điểm giải quyết vụ án, đại diện viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 471,474,476 và Điều 477 Bộ luật dân sự tuyên bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị T.

Tại phiên toà bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình là yêu cầu ông Đ, bà T phải thanh toán số tiền là 51.700.000 đ *(Năm mươi mốt triệu bảy trăm ngàn đồng)*. Ông Đ, bà T không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn vì cho rằng đã thanh toán xong khoản nợ trên cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Vào năm 2010 (AL) giữa bà Bùi Thị T và vợ chồng ông Trần Văn Đ, bà Nguyễn Thị T có xác lập hợp đồng dân sự vay tài sản theo đó bà T có cho vợ chồng ông Đ, bà T vay nhiều tiền với lãi suất cho vay là 60.000 đ/ 01 triệu/01 tháng (bằng 72 %/năm), theo đó đến ngày 02 tháng 12 năm 2012 (AL) ông Đ đã

ký xác nhận số tiền còn nợ lại của bà T sau khi đã trừ số tiền 48.500.000 đ *(Bốn mươi tám triệu năm trăm ngàn đồng)* đã thanh toán. Như vậy giấy ghi nợ ngày 02 tháng 12 năm 2012 (AL) với nội dung vợ chồng ông Đ, bà T vay của bà T số tiền 51.700.000 đ là hợp đồng dân sự mới phát sinh từ việc vay tiền trước đó giữa bà Bùi Thị T và vợ chồng ông Đ, bà T vào năm 2010 (AL) và đều được các bên đương sự thừa nhận.

Việc bà Thủy cho vay với lãi suất là 72%/ năm, Hội đồng xét xử thấy rằng: Căn cứ Điều 467 quy định về lãi suất của Bộ luật dân sự năm 2005 thể hiện *" Lãi suất vay do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố đối với loại cho vay tương ứng*". Như vậy đối chiếu với quy định trên đã thể hiện bà T tính lãi suất cho vay là cao hơn so với lãi suất cho vay theo quy định của Pháp luật, cho nên cần phải điều chỉnh lại lãi suất cho vay của bà T cho phù hợp với lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước tương ứng với cùng thời điểm.

Việc ông Đ, bà T cho rằng chỉ vay bà T số tiền gốc là 30.000.000 đ *(Ba mươi triệu đồng)* chứ không phải số tiền 40.000.000 đ *(Bốn mươi triệu đồng)* như trong đơn khởi kiện của bà T. Thấy rằng đây là phần nghĩa vụ chứng minh của ông Đ, bà T, song trong suốt quá trình giải quyết vụ án ông Đ và bà T không chứng minh,cũng như không cung cấp được tài liệu chứng cứ việc ông bà chỉ vay bà T số tiền 30.000.000 đ, cho nên cần chấp số tiền 40.000.000 đ theo đơn của bà T để xem xét giải quyết phần lãi suất theo quy định pháp luật.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 688 BLDS năm 2015 về điều khoản chuyển tiếp.

Căn cứ Quyết định số 2868/QĐ – NHNN ngày 29 tháng 11 năm 2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước thì lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9%/năm. (9/12 = 0.75 %/ tháng).

Do lãi suất cho vay của các bên thỏa thuận là 72%/ năm vượt quá 150% lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố cho nên cần điều chỉnh lại mức lãi suất cho vay cho phù hợp , cụ thể lãi suất được tính như sau: (0.75 % tháng x 150% = 1.125%).

Từ ngày 10 tháng 3 năm 2010 (AL) đến ngày 02 tháng 5 năm 2011 (AL) là 412 ngày.

$$\frac{412 \text{ ngày} \times 1.125\ \% \times 40.000.000 \text{ đồng}}{30} = 6.180.000 \text{ đồng.}$$

Tổng số tiền gốc và lãi sau khi được điều chỉnh lại của bà Thủy là: 40.000.000 đ + 6.180.000 đ = 46.180.000 đ *(Bốn mươi sáu triệu một trăm tám mươi ngàn đồng)*.

Ông Đ và bà T đã trả được số tiền 48.500.000 đ.*(Bốn mươi tám triệu năm trăm ngàn đồng)*.

Như vậy số tiền mà vợ chồng ông Đ và bà T đã trả cho bà T nhiều hơn số tiền phải thanh toán cho nên yêu cầu khởi kiện của bà T không được chấp nhận.

Do ông Đ và bà T không yêu cầu phản tố đối với phần đã trả dôi dư cho bà T nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền không được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 471; Điều 474 ; Điều 476 của Bộ luật dân sự 2005.

Căn cứ các Điều 70; 147, 150; 186 và Điều 188 BLTTDS và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Không chấp nhận đơn khởi kiện của bà Bùi Thị T về việc yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Văn Đ và bà Nguyễn Thị T phải trả nợ số tiền 51.700.000 đ *(Năm mươi mốt triệu bảy trăm ngàn đồng).*

Bà T phải chịu 2.585.000đ (*Hai triệu năm trăm tám mươi lăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ đi số tiền 1.292.500đ tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0000038 ngày 24 tháng 4 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cát Tiên. Bà T còn phải tiếp tục nộp số tiền 1.292.500 đ *(Một triệu hai trăm chín mươi hai ngàn năm trăm đồng).*

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Lâm Đồng
- VKSND tỉnh lâm đồng
- VKSND huyện Cát Tiên
- Những người tham gia tố tụng

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Cao Chức

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**